TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thanh Thúy.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Đỗ Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Xóm 4, T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: - Có mặt bà K;

- Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 02/01/2018 bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị K trình bày như sau:

Bà và ông Phạm Văn V lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2009 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, bà K làm

nghề bán hàng tạp hóa tại thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam còn ông V làm thợ xây, cuộc sống của vợ chồng thời gian đầu diễn ra êm ấm, hạnh phúc.

- Theo bà K, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Từ năm 2012, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng do ông V không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu và đánh chửi bà K. Hằng ngày bà K phải gánh vác tất cả công việc, mọi chi tiêu trong gia đình đều do bà K sắp xếp nhưng không được ông V tôn trọng nên bà cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Ngoài ra bà K cho rằng khi bà làm giúp việc trên Hà Nội thì ông V nghi ngờ bà đi ngoại tình với người đàn ông khác, đánh chửi và đuổi bà ra khỏi nhà, hơn nữa ông V còn đi lu loa nói việc bà K đi ngoại tình với anh em trong gia đình và hàng xóm làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của bà nhưng thực tế bà K hoàn toàn không đi ngoại tình. Từ đầu năm 2014 đến nay do ông bà không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông V có thái độ không tôn trọng bà K nên bà K đã chuyển về sinh sống tại Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Từ đó đến nay, bà K, ông V không quan tâm gì đến nhau nữa, nay bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

- Lời trình bảy của ông Phạm Văn V lưu tại hồ sơ vụ án: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 do thời gian bà K đi làm giúp việc trên Hà Nội bà K viết thư và nói chuyện tình cảm qua điện thoại với người đàn ông khác, ông V cho rằng bà K có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 4/2014 bà K tự ý bỏ về nhà bà ấy sinh sống tại Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Nay ông V đồng ý việc bà K xin ly hôn với ông.

- Về con chung: Bà K, ông V đều xác định vợ chồng không có con chung.

- Về con riêng: Bà K và ông V đều xác nhận: Trước khi tiến tới hôn nhân ông V đã có 02 con riêng là anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 và anh Phạm Văn D, sinh năm 1985. Bà K, ông V đều cho rằng về con riêng của ông V là anh T và anh D đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Bà K, ông V đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không đến Tòa án làm việc, bà K có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Bà K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông V. Về con, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật

của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông V kết hôn hợp pháp, từ tháng 4/2014 vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn V.

+ Về con, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Bà K và ông V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K với ông Phạm Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn V là bị đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn V lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2009 tại UBND xã N, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn các bên đưa ra là khác nhau. Vợ chồng bà K, ông V đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K, ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà K được ly hôn với ông V là hoàn toàn phù hợp với thực tế và pháp luật.

[3] Về con, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn V.

2. Về con, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Văn V đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 03898 ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Bà K đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa (bà K) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông V) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thành Nam